TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28/3/2019
V/v Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂNHUYỆN THÁI THỤYTỈNHTHÁI BÌNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Bà Nguyễn Thị Kim Hằng
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Ngô Văn Sang
- Bà Vũ Thị Thúy

***- Thư ký phiên tòa*:**Bà Bùi Thị Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên toà:Ông Tô Tuấn Dũng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26, 27,28 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khaivụ án thụ lý số205/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2018 về việc "Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 04/2019/QĐST-HNGĐ ngày 01/02/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/QĐST-HNGĐ ngày 27/02/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*Chị **Vũ Thị T** - Sinh năm 1977;

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Đăng Đ** - Sinh năm 1974 (Giấy ủy quyền ngày 14/5/2018 và 01/3/2019);

Đều trú tại: Thôn Xuân, xã Th, huyện Th, tỉnh Thái Bình.

- *Bị đơn:*Anh **Vũ Văn H** - Sinh năm 1976;

Địa chỉ: Thôn Xuân, xã Th, huyện Th, tỉnh Thái Bình

- *Người làm chứng*: Ông **Nguyễn Văn Ph** sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn Xuân, xã Th, huyện Th, tỉnh Thái Bình

(Chị T, anh Đ,anh H có mặt; vắng mặt ông Ph)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/3/2017, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn đề nghị - nguyên đơn chị Vũ Thị T trình bày:*

Chị và anh Vũ Văn H tổ chức lễ thành hôn năm 1994, năm 2000 anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã Thái Thọ, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Do hôn nhân

không hạnh phúc, chị xin ly hôn anh H và tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 44/QĐST-HNGD ngày 11/4/2016 Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình đã giải quyết cho anh chị thuận tình ly hôn, đã thỏa thuận về con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Sau khi ly hôn, anh chị không tự thỏa thuận phân chia về tài sản chung, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi số tài sản chung của anh chị sau ly hôn gồm những tài sản sau:

- Thửa đất số 89, diện tích 351,m^2và tài sản trên thửa đất này gồm ngôi nhà 2 tầng, diện tích sử dụng khoảng 100m^2, một nhà bếp mái bằng cùng công trình phụ khép kín, nằm trên diện tích khoảng 351,9m2 và thửa đất số 88, diện tích 401,9m2 đều thuộc tờ bản đồ số 11 tại thôn Xuân Hòa xã Thái Thọ huyện Thái Thụy tỉnh Thái Bình.

- Đồ dùng trong nhà: 01 máy giặt trị giá 2.000.000 đồng; 01 tủ lạnh trị giá 3.000.000 đồng; 01 tủ bia trị giá 1.000.000 đồng; 01 bộ bàn ghế salon gỗ trị giá 15.000.000 đồng; 01 ti vi 49 inches trị giá 5.000.000 đồng; 01 tủ gỗ đứng trị giá 5.000.000 đồng; 01 kệ ti vi trị giá 1.000.000 đồng; 01 xe ba bánh trị giá 19.000.000 đồng và 01 đôi lục bình em gái chị T cho (Các đồ dùng này đều do anh H đang quản lý).

- Tiền phường anh H đã lấy là 35.000.000 đồng.

- Năm 2010, anh chị có mở cửa hàng bán tạp hóa tại nhà gồm nhiều mặt hàng. Khi anh chị phát sinh mâu thuẫn, chị rời khỏi nhà, anh H tiếp tục bán số hàng còn lại trị giá khoảng 56.000.000 đồng và thu nợ của người dân nợ mua hàng khoảng 44.000.000 đồng.

Chị đề nghị được nhận thửa đất số 89 và các tài sản trên thửa đất này, giao cho anh H thửa đất số 88, chị thanh toán chênh lệch tài sản cho anh H.

Ngoài ra,anh chị còn có một mảnh đất 125m^2 tại xã Tiến Hưng, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước vợ chồng mua năm 2004 nhờ em gái chị là Vũ Thị L đứng tên, hiện nay anh H đang quản lý giấy tờ thửa đất này, chị chưa yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia.

* Quá trình giải quyết vụ án anh H không tham gia tố tụng và không có ý kiến trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Bản án số 96/2017/HNGĐ-ST ngày 21/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

- Chia cho anh H được hưởng tài sản gồm: Thửa đất số 89, tờ bản đồ số 11, diện tích 351,9m^2 tại thôn Xuân Hòa, xã Thái Thọ, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình trị giá 176.000.000 đồng; một ngôi nhà 2 tầng diện tích sử dụng khoảng 120m^2 trị giá còn lại là 231.000.000 đồng và công trình phụ gồm 20m^2 mái tôn trị giá còn lại là 3.000.000 đồng; cổng, tường dậu hàng rào sắt trị giá còn lại là 21.000.000 đồng. Tiền phường anh H đang quản lý là 22.400.000 đồng.

- Chia cho chị T được hưởng tài sản là thửa đất số 88, tờ bản đồ số 11, diện tích 401,9m^2 là đất ao tại thôn Xuân Hòa, xã Thái Thọ, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình trị giá 44.000.000 đồng.

- Anh H phải thanh toán cho chị T tiền chia chênh lệch tài sản là 204.700.000 đồng.

Ngày 03/01/2018 anh Vũ Văn H kháng cáo bản án sơ thẩm với lý do: Bản thân anh làm ăn trên Hà Nội, hàng tháng vẫn về nhà thăm con nhưng anh không nhận được giấy triệu tập và văn bản thông báo niêm yết của Tòa án, tuy nhiên Tòa án vẫn xét xử vụ án làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh. Anh đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục chung, đồng thời anh đề nghị định giá lại *"351,9m^2 đất tại thửa 89 và 401,3m^2 đất tại thửa 88 tờ bản đồ số 11 và công trình xây dựng trên đất là nhà mái bằng, mái tôn, cổng tường dậu, hàng rào sắt ở thôn Xuân Hòa, xã Thái Thọ, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình"* với lý do trị giá tài sản Tòa án cấp sơ thẩm định giá quá cao và anh chưa được tham gia tố tụng khi định giá.

Tại "Biên bản làm việc" ngày 14/5/2018, chị T trình bày hiện nay vợ chồng còn số tài sản chung chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm định giá bổ sung gồm *"máy giặt, tủ lạnh, tủ bia, bộ bàn ghế salon gỗ, ti vi 49 inh,tủ gỗ đứng, kệ ti vi, xe máy Dream, xe ba bánh, 01 đôi lục bình, tiền phường 35.000.000 đồng, giá trị hàng hóa khoảng 56.000.000 đồng và số tiền anh Hùng thu nợ của người dân mua hàng khoảng 44.000.000 đồng, 07 chỉ vàng 9999 anh Hùng quản lý, Vành mái hiên tầng 1, mái hiên và vành bàn tầng 2, bể nước, công trình phụ, bếp + nhà ăn, sân gạch, bờ tường dậu Bắc, Nam"*

Tại phiên tòa phúc thẩm anh H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Anh không quản lý số tài sản là đồ dùng trong nhà, không thu nợ tiền bán hàng như chị T kê khai. Khi chị T đi khỏi nhà số hàng hóa anh bán được khoản 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng. Anh đã lấy 28.000.000 đồng tiền phường, sau khi lấy phường anh còn phải đóng thêm 5 chân phường nữa, số tiền thực tế còn lại là 14.000.000 đồng. Tiền phường và tiền hàng anh đã chi dùng hết vào việc nuôi 2 con chung. Anh đề nghị giải quyết 02 khoản nợ gồm: nợ bố mẹ đẻ anh là ông Vũ Văn B và bà Đỗ Thị Nh 05 chỉ vàng 9999, nợ bố mẹ đẻ chị T là ông Vũ Văn Khvà bà Vũ Thị T 01 chỉ vàng 9999, phân chia bổ sung các tài sản gồm: bờ kè xây xung quanh ao cao 1m, tiêu chuẩn ruộng cấy của chị T, quyền lợi bán tiêu chuẩn ruộng của anh đã chi dùng vào việc xây dựng nhà.

Bản án phúc thẩm số 14/2018/HNGD- PT ngày 05/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình nhận định Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét giải quyết gồm: bể nước mưa, nhà tắm, bếp + nhà ăn, sân gạch, bờ tường dậu sau nhà và bờ kè ao (lý do anh H không cho Hội đồng định giá cấp sơ thẩm vào nhà để xem xét tài sản và định giá). Tại cấp phúc thẩm chị T và anh Đ đề nghị Tòa án định giá bổ sung những tài sản trên để phân chia và anh H đề nghị giải quyết khoản nợ 06 chỉ vàng 9999, chia

diện tích đất ruộng của chị T, xem xét quyền lợi bán tiêu chuẩn ruộng của anh đã chi dùng vào việc xây dựng nhà nhưng do cấp sơ thẩm chưa xem xét giải quyết nên cấp phúc thẩm không thực hiện định giá bổ sung và phân chia được vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm đã xử hủy bản án sơ thẩm số 96/2017/HNGĐ-ST ngày 21/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy tỉnh Thái Bình đã thụ lý vụ án số 205/2018/HNGĐ -ST Ngày 07/8/2018 để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Vũ Thị T và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Nguyễn Đăng Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án yêu cầu chia tài sản chung bao gồm:

- Thửa đất số 89, tờ bản đồ số 11, diện tích 351,9m^{2}tại thôn Xuân Hòa, xã Thái Thọ, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình và các tài sản trên thửa đất này gồm: Một ngôi nhà 2 tầng (Nhà tầng 1 xây dựng năm 1999; tầng 2 xây năm 2010), nhà bếp (Xây dựng năm 2000),nhà tắm (Xây dựng năm 2010),mái tôn trước cửa nhà (Làm năm 2007),mái tôn sau nhà (Làm năm 2010),bể nước (Xây dựng năm 2000),sân trước cửa nhà,sân cạnh nhà,sân saunhà (Cả 3 sân đều làm năm 2010),cánh cổnghoa sắt (Làm năm 2010),tường xây có hoa sắt (Làm năm 2010),tường xây trát xi măng giáp nhà ông Vũ Văn V(Xây dựng năm 2010),tường trát xi măng xây giữa sân và vườn (Xây dựng năm 2010).

- Thửa đất số 88, tờ bản đồ số 11 diện tích 401,9m^{2}tại thôn Xuân Hòa xã Thái Thọ huyện Thái Thụy tỉnh Thái Bình và tài sản trên thửa đất này gồm: bờ kè ao xây gạch đỏ, tường xây gạch đỏ không trát (Đều xây dựng năm 1999)

- Đồ dùng trong nhà: 01 máy giặt trị giá 2.000.000 đồng; 01 tủ lạnh trị giá 3.000.000 đồng; 01 tủ bia trị giá 1.000.000 đồng; 01 bộ bàn ghế salon gỗ trị giá 15.000.000 đồng; 01 ti vi 49 inches trị giá 5.000.000 đồng; 01 tủ gỗ đứng trị giá 5.000.000 đồng; 01 kệ ti vi trị giá 1.000.000 đồng; 01 xe ba bánh trị giá 19.000.000 đồng và 01 đôi lục bình em gái chị T cho chị trị giá 5.000.000 đồng, tổng giá trị các tài sản này là 56.000.000 đồng (Đây là giá chị T đã tự khấu hao thời gian sử dụng), các đồ dùng này đều do anh H đang quản lý.Chị xác định ngày 25/10/2018, chị và anh Vũ Văn V, sinh năm 1979; địa chỉ:xã Thụy Sơn, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bìnhlà người đại diện theo ủy quyền tham gia buổi định giá và xem xét thẩm định tại chỗ không có những đồ dùng này nên Hội đồng định giá không định giá được các đồ vật trên.

- Về tiền phường: Chị xác định phường có 16 người, ông Ph là chủ phường, mỗi xuất phường đóng 2.000.000đồng, người lấy đầu tiên được 30.000.000đồng, người thứ 2 lấy được 30.000.000đồng và cộng thêm 800.000đồng, người lấy trước đóng cho người lấy sau 1 xuất phường là 2.800.000đồng. Anh H lấy thứ 14, đã lấy là 35.000.000đồng, thời điểm này còn phải đóng thêm 2 xuất phường nữa, chị yêu cầu chia đôi tiền phường.

- Số hàng hóa còn lại trị giá khoảng 56.000.000đồng và 68 người dân nợ mua hàng, anh H đã thu nợ khoảng 44.000.000đồng, chị yêu cầu chia đôi tiền này. Tuy nhiên, chị chỉ nộp được đơn đề nghị ngày 20/3/2017 ngoài ra chị không giao nộp được chứng cứ chứng minh như sổ sách người mua nợ; sổ sách thu chi, theo dõi hàng hóa tồn vì khi chị rời khỏi nhà chị không mang theo.

- Đối với 7 chỉ vàng 9999 chị giao cho anh H quản lý nhưng chị không giao nộp được chứng cứ chứng minh việc anh đang quản lý vì khi chị giao cho anh không có ai chứng kiến.

- Đối với 01 xe máy Dream chị cho con trai nên chịkhông yêu cầu giải quyết.

Đối với kết quả định giá 3 lần, Hội đồng định giá đều xác định san lấp ao bằng cát, nhưng lần định giá cuối cùng lại xác định san lấp ao bằng đất theo lời khai của anh H là không thể chấp nhận được, nếu anh H cho rằng việc áp dụng giá xây dựng là 3.500.000đồng/m^2 nhà chưa bao gồm cửa, cầu thang và xác định giá quật lập bằng cát là cao thì chị T đề nghị được nhận phần nhà với giá áp dụng là từ 3.500.000đồng đến 4.000.000đồng và giá lấp cát là 179.000đồng/m^3

Tại phiên tòa hôm nay, chị T và anh Đ yêu cầu thay đổi Thẩm phán chủ tọa phiên tòa với lý do Thẩm phán không khách quan khi chấp nhận những lời trình bày của anh H về năm xây dựng nhà tầng 1 là năm 1997, mà không chấp nhận lời trình bày của chị về việc xây nhà tầng 1 vào năm 1999.

Chị T đề nghị được hưởng thửa đất số 89 và toàn bộ tài sản trên đất, giao cho anh H thửa đất số 88 và chị T thanh toán tiền chênh lệch cho anh H.Trong trường hợp không thể giao cho chị T thửa đất số 89 thì chị T xin được hưởng ½ thửa đất số 89 (riêng phần đất này, anh H nhận phần nào cũng được, chị sẽ nhận phần còn lại và ½ thửa đất số 88) do chị T không đủ điều kiện san lấp đất để xây nhà ở được.

Ngoài các tài sản này còn có 02 thửa đất tại xã Thái Tân và xã Tiến Hưng, thị xã Đồng Xoài chị để lại ½ chị được nhận của thửa đất ở xã Thái Tân cho con trai và ½ thửa đất tại xã Tiến Hưng cho con gái nên chị không yêu cầu chia trong vụ án này.

Chị Tvà anh Đ đều xác định là không còn tài sản chung nào khác và không bổ sung gì .

** Tại các bản tự khai, đơn đề nghị - bị đơn - anh Vũ Văn H trình bày:*

Tài sản chung chưa chia sau khi ly hôn năm 2016 giữa chị T và anh là:

- Thửa đất số 89, tờ bản đồ số 11, diện tích 351,9m^2 tại thôn Xuân Hòa, xã Thái Thọ, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình và các tài sản trên thửa đất này gồm: Một ngôi nhà 2 tầng (Nhà tầng 1 xây dựng năm 1999; tầng 2 xây năm 2010), nhà bếp (Xây dựng năm 2000),nhà tắm (Xây dựng năm 2010),mái tôn trước cửa nhà (Làm năm 2007),mái tôn sau nhà (Làm năm 2010),bể nước (Xây dựng năm 2000),sân trước cửa nhà,sân cạnh nhà,sân saunhà (Cả 3 sân đều làm năm 2010),cánh cổnghoa sắt (Làm năm 2010),tường xây có hoa sắt (Làm năm 2010),tường xây trát xi măng giáp nhà ông Vũ Văn V(Xây dựng năm 2010),tường trát xi măng xây giữa sân và vườn (Xây dựng năm 2010).

- Thửa đất số 88, tờ bản đồ số 11 diện tích 401,9m^2 tại thôn Xuân Hòa xã Thái Thọ huyện Thái Thụy tỉnh Thái Bình và tài sản trên thửa đất này gồm: bờ kè ao xây gạch đỏ, tường xây gạch đỏ không trát (Đều xây dựng năm 1999)

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh trình bày bố đẻ anh là ông Vũ Văn B cho anh tiền để mua của ông Ph 02 thửa đất nàynăm 1997, sau đó anh chị đôn lấp một nửa ao để xây nhà tầng 1 trên thửa đất 89; anh xác định đây là tài sản riêng của anhtuy nhiên anh không chứng minh được đây là tài sản riêng nên anh đồng ý là tài sản chung. Anh đã bán tiêu chuẩn ruộng 3 của anh được 48.300.000đồng, toàn bộ số tiền này anh đã dùng vào việc xây nhà tầng 2 năm 2010 và xây các công trình trên đất để xem xét công sức đóng góp của anh khi chia tài sản chung.

- Đối với các đồ dùng trong nhà chị Tyêu cầu chia là 01 máy giặt; 01 tủ lạnh; 01 tủ bia;01 bộ bàn ghế salon gỗ;01 ti vi 49 inches; 01 tủ gỗ đứng; 01 kệ ti vi; 01 xe ba bánh; 01 đôi lục bình; anh xác định khi chị T bỏ nhà đi anh không mặt có ở nhà, khi anh về nhà những tài sản này không còn, anh không tẩu tán các tài sản trên nên không chấp nhận yêu cầu của chị Toan.

- Đối 01 xe máy Dream chị T không yêu cầu chia vì đã cho con, anh đồng ý, không có yêu cầu gì.

- Đối với số tiền phường do thời gian đã lâu nên anh không nhớ rõ, anh đề nghị Tòa án ghi nhận lời khai anh đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án: Hội phường có 16 người, mỗi xuất đóng 2.000.000đồng, người lấy trước đóng xuất sau là 2.800.000đồng, anh đã lấy 28.000.000đồng, sau đó anh phải đóng thêm 5 xuất phường nữa, số tiền thực tế anh được nhận là 14.000.000đồng, số tiền này anh đã dùng vào việc tổ chức đám cưới chocon trai và nuôi con Ph.

- Đối với số hàng tồn khoảng 56.000.000đồng vàtiền người dân nợ khi mua hàngchị T khai anh đã thu nợ khoảng 44.000.000đồng, anh không chấp nhận bởi lẽ thời điểm mở cửa hàng, chị T là người nhập hàng, bán hàng, theo dõi công nợ, anh đi làm ăn không có mặt ở nhà, khi chị T đi đã mang theo sổ xách, khi anh về chỉ bán được 3.000.000đồng tiền hàng còn tiền người dân nợ do không có sổ xách nên anh không biết ai nợ để đòi, số tiền 3.000.000đồng anh dùng hết vào việc nuôi con.

- Đối với yêu cầu chia 07 chỉ vàng của chị T anh không đồng ý vì chị T là người chủ động mang đi, anh đã ghi âm cuộc điện thoại chị nói chị đã mang đi 07 chỉ vàng, hơn nữa chị T không chứng minh được chị giao cho anh quản lý nên anh không chấp nhận yêu cầu của chị T.

Ngoài ra, anh và chị T có vay của bố mẹ 2 bên 06 chỉ vàng nhưng chị T phủ nhận, anh không có chứng cứ nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với 02 mảnh đất mua tại Bình Phước và tại xã Thái Tân chị T không yêu cầu giải quyết nên anh cũng không yêu cầu giải quyết.

Vì điều kiện anh đang nuôi 02 con nên anh yêu cầu Tòa án được thửa đất số 89 và các tài sản trên đất, giao cho chị T thửa đất 88 và anh thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho chị T

* *Tại biên bản xác minh, UBND xã Thái Thọ cung cấp*:Khi anh H và chị T nhận chuyển nhượng 02 thửa đất số 88, 89 của ông Ph là đất ao, từ năm 1997 cho đến nay anh chị chưa làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất ao sang đất thổ cư. Hiện nay, tại địa bàn thôn Xuân Hòa không có ai chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên không có căn cứ xác định giá chuyển nhượng tại thị trường tự do.

* *Tại biên bản ghi lời khai, ông Nguyễn Văn Ph trình bày:*Năm 1997, ông đã chuyển nhượng cho anh H và chị Toan 02 thửa đất số 88,89, thời điểm đó ông đã lấp đất xuống ao được một ít. Sau khi mua, anh H và chị T đã lấp đất để xây nhà, xây vào năm nào ông không nhớ rõ. Về tiền phường: Anh H đã nhận tiền khoảng 28.000.000đồng đến 30.000.000đồng, sau đó anh H phải đóng lại 2 suất phường, mỗi suất 2.000.000đồng, hội phường 16 người, người lấy trước phải đóng cho người lấy sau 2.800.000đồng.

* *Tại biên bản xác minh, ông Vũ Văn Kh trìnhbày:*Ông là bố đẻ chị T là người trực tiếp nhận xây dựng nhà tầng 1 cho anh chị, thời điểm đó anh chị còn nghèo khó, nên tiết kiệm tiền xây dần, tầng 1 chỉ đổ giằng, không gia cố móng. Khi mua đất ao của ông Ph đã lấp đất được một phần, anh chị đã san lấp bằng đất thêm diện tích ao để xây nhà. Tầng 2 ông cũng trực tiếp xây.

**Tại biên bản xác minh đối với ông Nguyễn Văn Ttrình bày:* ông không được chị T và anh H thuê đôn lấp ao của anh chị như anh Đ trình bày.

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tỉnh Thái Bình đã phát biểu quan điểm về quá trình thực hiện tố tụng của Hội đồng xét xử, các đương sự đảm bảo đúng pháp luật và đề nghị:

- *Về tài sản chung:*

+ Đối với thửa đất số 89 và thửa đất số 88, tờ bản đồ 11 tại địa chỉ thôn Xuân Hòa, xã Thái Thọ, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình mang tên chủ sở hữu quyền sử dụng đất là Vũ Văn H và Vũ Thị T đều được xác định là đất ao vì khi nhận chuyển nhượng anh H, chị T chưa làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất từ đất ao sang đất ở.

Thửa đất số 88 có diện tích 401,9m^2 có giá trị 16.880.000đồng, được đôn lấp một phần có diện tích 70,05m^2, chi phí đôn lấp là 9.613.000đồng nên tổng giá trị là 26.493.000đồng.

Thửa số 89 có diện tích 351,9m^2 có giá trị 14.780.000đồng đã được đôn lấp toàn bộ, chi phí đôn lấp là 48.290.000đồng nên tổng giá trị là 63.070.000đồng.

Tổng giá trị tài sản trên thửa đất số 88 và 89 là 337.390.00 đồng, trong đó thửa đất số 88 có giá trị là 26.493.000đồng; thửa đất số 89 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất có giá trị 310.897.000đồng.

+ Các vật dụng trong gia đình (nguyên đơn kê 12 vật dụng): 01 bộ bàn ghế gỗ salon; 01 tivi 49 inch, 01 tủ kê tivi, 01 tủ gỗ dổi đứng ba buồng, 01 tủ kem, 01 tủ đựng bia, 01 bộ lục bình gỗ, 01 tủ lạnh shap, 01 máy giặt cửa ngang, 01 xe 03 bánh chở hàng; 01 tủ bán hàng; 07 chỉ vàng. Ngoài ra chị T khai khi bỏ đi thì cửa hàng

tạp hóa còn hàng hóa tồn có giá trị khoảng 56.000.000đồng; sổ chốt khách hàng nợ tiền hàng khoảng 44.000.000đồng do anh H đi thu nợ. Do chị T không cung cấp được tài liệu chứng minh giá trị, nguồn gốc tài sản, anh H khai không thừa nhận là có quản lý những tài sản đó nên không đủ căn cứ để giải quyết chia những tài sản này.

+ Về tiền phường: Chị T khai anh H đã lấy được 35.000.000đồng (chị T không cung cấp được tài liệu chứng minh), anh H đã thừa nhận lấy tiền phường tổng là 28.000.000đồng nhưng sau đó đã đóng thêm 05 lần mỗi lần 2.800.000đồngnên thực tế chỉ nhận về 14.000.000đồng. Tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thì số tiền phường anh H thực tế đã nhận là 34.800.000đồng nên đủ căn cứ để giải quyết.

+ Còn cửa hàng tạp hóa sau khi chị T bỏ đi thì số hàng còn lại anh H thừa nhận đã bán được khoảng 3.000.000đồng nên đủ căn cứ để giải quyết.

+ Tài sản là 01 xe máy Dream đài loan chị T muốn để lại cho con trai lớn, không yêu cầu Tòa giải quyết.

+ Về 02 mảnh đất: 01 mảnh đất tại tỉnh Bình Phước chị T muốn cho người con nhỏ của chị và anh H khi cháu đủ 18 tuổi; 01 mảnh đất tại xã Thái Tân chị cho người con trai lớn, nên không đề nghị Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có yêu cầu được lấy ½ diện tích, giá trị của thửa đất số 88 và ½ diện tích và giá trị thửa đất số 89 tại bản đồ số 11 có địa chỉ thôn Xuân Hòa, xã Thái Thọ, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Xét yêu cầu đó không trái với quy định của pháp luật.

Như vậy, xác định toàn bộ tài sản có căn cứ chứng minh nói trên là tài sản chung của vợ chồng chị T anh H nên chia mỗi bên ½ số tai sản đó.

Căn cứ Điều 59 luật hôn nhân gia đình chia cho chị T và anh H mỗi người ½ diện tích, giá trị của thửa đất số 88 tại bản đồ số 11 có địa chỉ thôn Xuân Hòa, xã Thái Thọ, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; chia cho anh H ½ diện tích và giá trị thửa đất số 89 tại bản đồ số 11 có địa chỉ thôn Xuân Hòa, xã Thái Thọ, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, vì anh H đang nuôi con chung của hai vợ chồng là cháuVũ Thị Ph, sinh ngày 12/7/2004 nên được chia phần đất có ngôi nhà hai tầng đã xây.

Anh H có trách nhiệm thanh toán ½ số tiền phường đã nhận và tiền hàng đã bán cho chị T

Anh H và chị T có trách nhiệm thanh toán cho nhau phần chênh lệch giá trị đất và tài sản trên đất.

- Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bản án phúc thẩm số 14/2018/HNGD- PT ngày 05/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình đã xử hủy bản án sơ thẩm số 96/2017/HNGĐ-ST ngày 21/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình đã thụ lý vụ án số 205/ 2018/ HNGĐ -ST Ngày 07/8/2018 để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm đây là vụ án tranh chấp "Chia tài sản sau khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã yêu cầu thay đổi Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa với lý do "Thẩm phán nhất trí về năm xây dựng nhà tầng 1, san lấp bằng đất theo lời khai của anh Hùng, không chấp nhận lời khai của chị Toan làm ảnh hưởng đến giá trị nhà ở nên không vô tư, khách quan".Nhưng nguyên đơn và người ủy quyền của nguyên đơn đều không đưa ra tài liệu, chứng cứ nào chứng minh ý kiến của mình là có căn cứ. Hội đồng xét xử đã thảo luận tại phòng nghị án, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền là không chính đáng, vì Thẩm phán không phải là thành viên, không tham gia Hội đồng định giá, việc đánh giá chứng cứ là thẩm quyền của Hội động xét xử nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này.

[1.3] Tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền yêu cầu định giá lại do áp dụng san lấp bằng đất, giá xây dựng thấp nhưng HĐXX không chấp nhận bởi không có các căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC ngày 28/3/2014.

[2] Về nội dung:

Xét nguồn gốc tài sản chung của chị T và anh H và chứng cứ các bên cung cấp

[2.1] Về bất động sản:Thửa đất số 88,89 do anh H nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn Ph thể hiện tại "Biên bản về việc chuyển nhượng đất ở" đề ngày 1/4/1997 có xác nhận chính quyền địa phương. Anh H thừa nhận không cung cấp được cứ bố đẻ cho 9 triệu đồng để mua đất nên anh đồng ý 2 thửa đất là tài sản chung. Sau khi nhận chuyển nhượng đất từ ông Ph, anh H và chị T cũng không làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất nên thửa đất số 88 và 89 vẫn xác định là đất ao.

[2.2] Xét năm xây dựng tầng 1 của nhà ở thì thấy chị T trình bày tầng 1 xây năm 1999, anh H trình bày xây năm 1997; lời khai của ông Kh và anh H đều xác định khi mua đất của ông Ph, ông Ph đã lấp 1 phần diện tích, anh chị lấp đất tiếp để xây nhà tầng 1 trong điều kiện anh chị còn nghèo, phải tiết kiệm dần nên thời điểm để khấu hao nhà tầng 1 như lời kai của chị T xây năm 1999 là phù hợp được chấp nhận.

[2.3] Đối với thời điểm xây dựng các công trình trên thửa đất số 89 và 88: Tại biên bản làm việc ngày 25/10/2018, các đương sự đã thống nhất về năm xây dựng của các công trình; chỉ có năm xây dựng bờ tường giáp nhà ông Vũ Văn V chị Toan

xác định xây dựng năm 2010 còn anh H xác định năm 2000, bờ kè ao và tường dậu gạch đỏ không trát, anh H xác định xây dựng năm 1997 còn chị T xác định xây dựng năm 1999. Tại phiên tòa anh H trình bày vợ chồng trẻ, không có ăn việc làm, không có tiền, phải san lấp đất dần dần nên xác định thời điểm tính khấu hao bờ kè ao và bờ tường xây gạch đỏ không trát là năm 1999 là phù hợp,đồng thời tại biên bản đo đạc hiện trạng năm 2007 không thể hiện bờ tường giáp nhà ông Vũ Văn V nên chấp nhận thời điểm xây là năm 2010 để tính khấu hao là phù hợp.

[2.4] Đối với đề nghị của anh H xem xét số tiền 48.300.000đồng anh bán tiêu chuẩn ruộng 3 của anhdùng vào việc xây nhà tầng 2 để xác định công sức đóng góp của anh cao hơn là không có cơ sở, vì anh thừa nhận xây tầng 2 năm 2010, nhưng ngày anh nhận tiền tại biên bản nhận hỗ trợ gạo và nhận tiền bồi thường thu hồi ruộng là ngày 22/8/2011, theo luật hôn nhân gia đình tiền làm ra trong thời kỳ hôn nhân không có thỏa thuận nào khác là tài sản chung hợp nhất.

[2.5] Đối với yêu cầu của anh Đ xác định 3 lần định giá đều xác định là cát là không có cơ sở; bởi ngày 05/10/2017 HĐĐG không tính toán khối lượng san lấp; lần định giá ngày 26/4/2018, HĐĐG cũng xác định san lấp đất thủ công; lần địnhgiá ngày 25/10/2018 tính giá cát do theo lời khai của đương sự nhưng cả hai bên đương sự đều đề nghị định giá lại do vậy lần định giá ngày 21//2/2019 Hội đồng định giá giá đất san lấp theo quyết định 2563 ngày 09/10/2018 của UBND tỉnh Thái Bình là có cơ sở phù hợp với lời khai của ông Kh xác định san lấp bằng đất, mặt khác chứng cứ anh Đ cung cấp người trực tiếp san lấp bơm cát là ông Nguyễn Văn T đã trình bày không nhận san lấp ao của chị T và anh H.

[2.6]. Về giá mà HĐ ĐG áp dụng:

[2.6.1]Về đất: Do sau khi nhận chuyển nhượng, anh H, chị T chưa làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất nên HĐ ĐG vẫn xác định thửa đất số 88 và 89 là đất ao để định giá, áp dụng quyết định 3077/ QĐ - UBND ngày 19/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về giá đất ao 42.000đồng,

Thửa đất số 88 có giá trị 16.880.000 đồng, được đôn lấp một phần có diện tích 70,05m^2, chi phí đôn lấp là 9.613.000 đồng nên tổng giá trị là 26.493.000 đồng.

Thửa số 89 có giá trị 14.780.000 đồng đã được đôn lấp toàn bộ, chi phí đôn lấp là 48.290.000 đồng nên tổng giá trị là 63.070.000 đồng.

[2.6.2] Về các tài sản trên đất:

- Giá trị nhà 2 tầng: Xác định lời khai của ông Kh là bố đẻ chị T và là người nhận xây nhà cho chị T và anh H xác định anh chị dùng đất để san lấp ao xây nhà, nhà xây có giằng móng, khi xây không gia cố móng vì ậy áp dụng năm xây nhà tầng 1 là 1999 như lời khai của chị T là phù hợp. Giá trị sau khấu hao như sau:

Tầng 1 giá trị còn lại là: 53,36m2 x 3.500.000đồng /1 m2 x (30-19)năm là:
68.480.000đồng.

Tầng 2 xây năm 2010 còn lại: 136.960.000đồng

Tổng giá trị nhà 2 tầng thành tiền: 205.440.000đồng

-Giá trị sau khấu hao Các công trình trên thửa đất số 89 (Có hạng mục được đánh số thứ tự từ 01 đến 16 được khấu hao có giá trị:

1. Nhà bếp: 3.094.000 đồng
2. Nhà tắm: 1.110.000đồng
3. Mái tôn cửa nhà: 1.251.000đồng
4. Mái tôn sau nhà: 2.183.000đồng
5. Bể nước: 2.816.000đồng
6. Sân lát gạch đỏ: 5.045.000đồng
7. Sân cạnh nhà gạch đỏ: 2.682.000đồng
8. Sân sau nhà: 1.400.000đồng
9. Tường dậu không trát: đã khấu hao hết
10. Cánh cổng 2.916.000đồng
11. Trụ và mái cổng: 4.400.000đồng
12. Hoa sắt trang trí ở cổng: 3.710.000đồng
13. Tường dậu xây có hoa sắt: 6.160.000đồng
14. Bờ kè ao xây gạch đỏ không trát: đã hết khấu hao
15. Tường dậu gíap nhà ông Vượng: 2.012.000đồng
16. Tường dậu ngăn giữa sân và vườn:3.608.000đồng

Tổng giá trị: 42.387.000 đồng

[2.6.3] Tổng giá trị toàn bộ các công trình trên 2 thửa đất và giá trị đất: 337.390.000 đồng.

[2.7] Xét thấy những tài sản chị T và anh H đều không yêu cầu giải quyết trong quá trình tố tụng là mảnh đất tại tỉnh Bình Phước, thửa đất tại xã Thái Tânvà 01 xe mô tô loại dream, xét thấy đây là sự tự nguyện không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.8] Đối với 07 chỉ vàng chị T không xuất trình được chứng cứ ai là người đang quản lý, do vậy HĐXX không có căn cứ để xác định 07 chỉ vàng là tài sản chung để chia.

[2.9] Đối với số tiền người mua hàng còn nợ khoảng 44.000.000 đồng chị T đã kê khai danh sách nhưng chị T không cung cấp được tên, tuổi địa chỉ cụ thể của người vay nợ theo yêu cầu tại Thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ số 2269/TB-TA ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy nên không có cơ sở để giải quyết.

[2.10] Đối với ý kiến của chị T về số tiền hàng tồn khoảng 56.000.000 đồng, chị T không cung cấp được chứng cứ cho yêu cầu của mình, mặt khác tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 25/10/2018 chị T xác nhận không còn tài sản này. Còn anh H thừa nhận khi chị T đi vắng anh đã bán được 3.000.000 đồng tiền hàng, ngoài lời khai của anh H không có chứng cứ nào khác, nên HĐXX xác định 3.000.000 đồng tiền hàng là tài sản chung để chia là có cơ sở.

[2.11] Đối với tiền phường: Lời khai của chị T là phù hợp lời khai của ông Ph về việc anh H phường ở chân thứ 14 và phù hợp 1 phần lời khai của anh H về số người chơi, luật chơi và 1 suất phường 2.800.000 đồng. Do vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị T số tiền phường anh H đã lấy là (2.800.000 đồng x 13) + (2.000.000đồng x2) = 40.400.000đồng, sau đó anh H phải đóng thêm 2 chân phường là 2.800.000 đồng x 2 = 5.600.000 đồng, số tiền phường thực tế anh H được nhận là 34.800.000 đồng.

[2.12] Đối với 11 đồ dùng trong nhà, gồm 01 máy giặt; 01 tủ lạnh; 01 tủ bia ;01 bộ bàn ghế salon gỗ;01 ti vi 49 inches; 01 tủ gỗ đứng; 01 kệ ti vi; 01 xe ba bánh; 01 đôi lục bình em gái chị T cho. Thấy tại biên bản xác nhận số liệu đo đạc khối lượng xây dựng và biên bản định giá chị T và anh V là người ủy quyền về buổi định giá ngày 25/10/2018 xác nhận không còn 11 loại đồ dùng trên do vậy HDXX không có căn cứ để xác định 11 loại tài sản này là tài sản chung để chia.

[3] Như vậy có căn cứ xác định tài sản chung của chị T và anh H là nhà ở 2 tầng, 16 hạng mục gồm xây dựng trên thửa đất 88, 89 và giá trị 2 thửa đất là tài sản chung và công sức đóng góp như nhau.

Tổng giá trị toàn bộ các công trình trên 2 thửa đất, giá trị đất: 337.390.000đồng; 34.800.000đồng tiền phường; 3.000.000đồng tiền bán hàng. Tổng giá trị tài sản chung của anh H, chị T là 375.190.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu của hai bên đương sự đều mong muốn nhận hiện vật và thanh toán tiền chênh lệch tài sản thì thấy anh H trực tiếp nuôi con Ph nên mong muốn nhận nhà ở và công trình trên thửa đất 89 là phù hợp. Giao cho chị T thửa đất số 88.

Hội đồng xét xử giao anh H sử dụng nhà ở các công trình trên thửa đất số 89 diện tích 351,9m2 có tứ cận:

Phía Đông giáp thửa đất số 88 dài 24,86 m;

Phía Tây giáp đất nhà ông Đỗ Minh Ú dài 23,55m;

Phía Nam giáp đường giao thông dài15,43m;

Phía Bắc giáp đất nhà ông Vũ Văn V dài 13,89m;

Giao cho chị T thửa đất số 88 là đất ao có diện tích 401,9 m^2 có tứ cận:

Phía Đông giáp thửa đất của ông Nguyễn Văn Ph dài 26,46m;

Phía Tây giáp thửa đất số 89 dài 24,86m;

Phía Bắc giáp đất nhà ông Vũ Văn V dài 15,77m;

Phía Nam giáp đường giao thông dài15,7m.

(Có sơ đồ kèm theo)

Anh H thanh toán cho chị T tiền chênh lệch tài sản: 142.202.000 đồng

Anh H thanh toán cho chị T số tiền phường: 17.400.000 đồng; tiền hàng 1.500.000đồng.

Tổng số tiền anh H phải thanh toán tiền chênh lệch tài sảnlà:161.102.000 đồng

[5] Về chi phí tố tụng:

Chị T đã nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản vào các ngày 05/10/2017 là 3.000.000 đồng và ngày 25/10/2018 là 3.000.000đồng. Tổng là 6.000.000 đồng.

Anh H đã nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản vào các ngày 26/4/2018 là 3.000.000 đồng và ngày 21/02/2019là 2.000.000đồng. Tổng là 5.000.000 đồng.

Mỗi bên phải chịu 1/2 chi phí định giá này. Anh H còn phải thanh toán cho chị T 500.000đồng.

[6] Về án phí: Chị T và anh H mỗi người phải nộp 9.372.000đồng án phí chia tài sản. Chuyển số tiền chị T đã nộp tạm ứng 3.612.000đồng tại chi cục thi hành án dân sự, đối trừ còn nộp tiếp 5.760.000đồng.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 29, 33, 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Chia cho anh Vũ Văn H được hưởng tài sản gồm:

Thửa đất số 89 tờ bản đồ số 11 diện tích 351,9m^2 tại thôn Xuân Hòa, xã Thái Thọ, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, có giá trị 14.780.000 đồng, đã được đôn lấp toàn bộ, chi phí đôn lấp là 48.290.000 đồng, tổng giá trị là 63.070.000 đồng, có tứ cận:

Phía Đông giáp thửa đất số 88 dài 24,86 m;

Phía Tây giáp đất nhà ông Đỗ Minh Ú dài 23,55m;

Phía Nam giáp đường giao thông dài 15,43m;

Phía Bắc giáp đất nhà ông Vũ Văn V dài 13,89m;

Và các tài sản trên thửa đất số 89 gồm: Một ngôi nhà 02 tầng diện tích sử dụng 106,72m2, trị giá: 205.440.000 đồng và 16 hạng mục công trình phụ gồm:

+ Nhà bếp: 3.094.000 đồng;
+ Nhà tắm: 1.110.000 đồng;
+ Mái tôn cửa nhà: 1.251.000đồng;
+ Mái tôn sau nhà: 2.183.000đồng;
+ Bể nước: 2.816.000đồng;
+ Sân lát gạch đỏ: 5.045.000đồng;
+ Sân cạnh nhà gạch đỏ: 2.682.000đồng;
+ Sân sau nhà: 1.400.000đồng;
+ Tường dậu không trát: đã khấu hao hết
+ Cánh cổng 2.916.000đồng;
+ Trụ và mái cổng:4.400.000đồng;
+ Hoa sắt trang trí ở cổng: 3.710.000đồng;

+ Tường dậu xây có hoa sắt: 6.160.000đồng;
+ Bờ kè ao xây gạch đỏ không trát: đã hết khấu hao
+ Tường dậu giáp nhà ông V: 2.012.000đồng;
+ Tường dậu ngăn giữa sân và vườn:3.608.000đồng

Tổng giá trị các tài sản trên thửa đất số 89 là: 247.827.000 đồng

Tiền phường anh H đang quản lý là 34.800.000 đồng.

Tiền bán hàng hóa anh H đang quản lý là 3.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản anh H được hưởng là 349.327.000 đồng.

2. Chia cho chị Vũ Thị T được hưởng tài sản là thửa đất số 88 tờ bản đồ số 11 diện tích 401,9m^2 là đất ao tại thôn Xuân Hòa, xã Thái Thọ, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình có giá trị 16.880.000 đồng, được đôn lấp một phần có diện tích 70,05m^2, chi phí đôn lấp là 9.613.000 đồng, tổng giá trị là 26.493.000 đồng, có tứ cận:

Phía Đông giáp thửa đất của ông Nguyễn Văn Ph dài 26,46m;

Phía Tây giáp thửa đất số 89 dài 24,86m;

Phía Bắc giáp đất nhà ông Vũ Văn V dài 15,77m;

Phía Nam giáp đường giao thông dài 15,7m.

(có sơ đồ kèm theo)

- Anh H phải thanh toán cho chị T tiền chia chênh lệch tài sản là 142.202.000 đồng

- Anh H thanh toán cho chị T số tiền phường: 17.400.000 đồng; tiền hàng 1.500.000đồng.

Tổng số tiền anh H phải thanh toán tiền chênh lệch tài sảnlà:161.102.000 đồng

- Chị Tvà anh H mỗi bên phải chịu 5.500.000đồng chi phí định giá và chi phí thẩm định tại chỗ. Anh H phải thanh toán cho chị T 500.000đồng.

3.Ghi nhận sự nguyện của chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về mảnh đất tại tỉnh Bình Phước, thửa đất tại xã Thái Tân và 01 xe mô tô loại dream.

4. Về án phí: Chị T phải nộp 9.372.000đồng án phí chia tài sản.Chuyển số tiền 3.612.000 đồng chị T đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000997 ngày 12/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành án. Đối trừ chị T còn phải nộp 5.760.000 đồng.

Anh Vũ Văn H phải nộp 9.372.000đồng án phí chia tài sản.

Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T, anh Đ, anh H, có mặt báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/3/2019.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thái Thuy tỉnh Thái

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HC-TP.

Nguyễn Thị Kim Hằng